

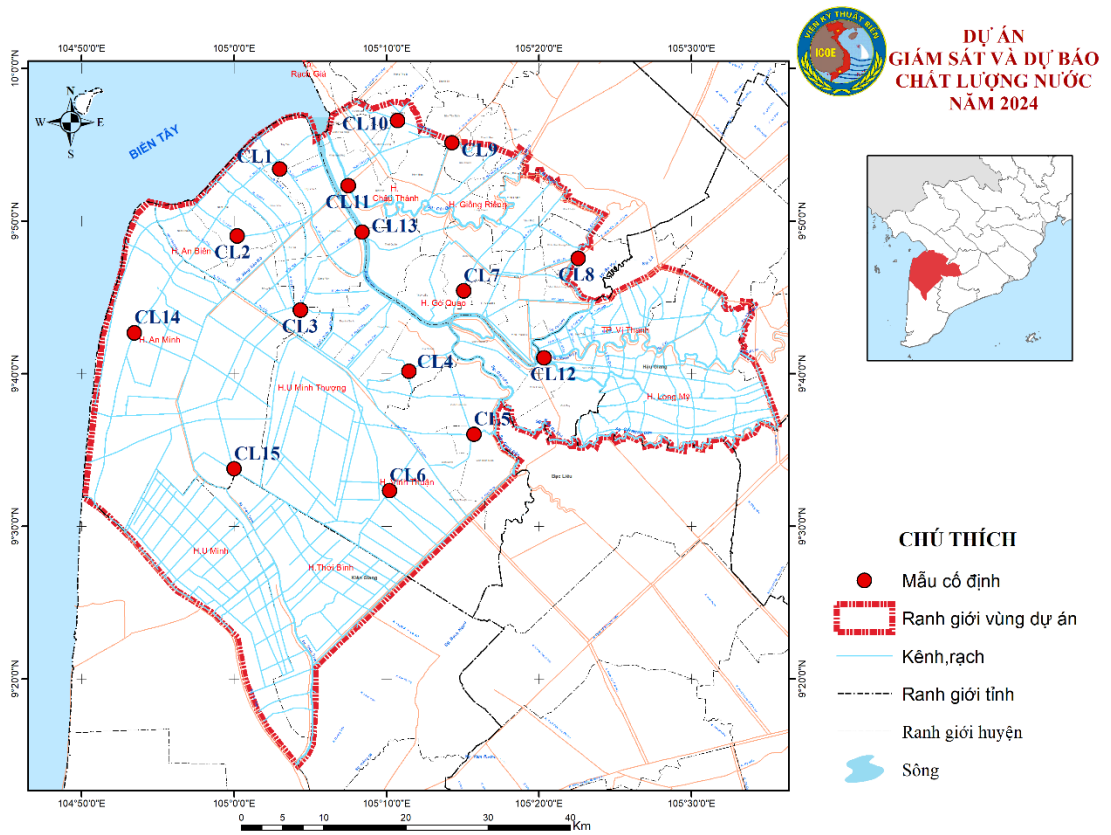
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2024

BẢN TIN TUẦN KỲ 13

“Đợt đo ngày 22/05/2024 dự báo từ ngày 29/05÷04/6/2024”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 22 tháng 05 năm 2024

Nhiệm vụ quan trắc tại 15 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2024

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 15 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	PO ₄ ³⁻	NH ₄ ⁺	NO ₂ ⁻	NO ₃ ⁻	Fe ^{TS}	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
			‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l					MPN/ 100ml		
	QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1	5,5-9		50	≥4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7500		
	Bảng 2, mức B QCVN08-MT:2023/BTNMT	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15						≤5.000		
1	Điểm lấy mẫu trên kênh Xẻo Giã, thuộc xã Tân Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – CL1	7,06	14,40	30,97	5,28	12,1	20,2	0,11	0,26	0,040	0,088	0,35	3500	86	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ cho tưới tiêu SXNN, độ mặn hiện nay có xu hướng giảm, tôm đang trong vụ nên cần chú ý độ mặn.
2	Điểm lấy mẫu trên kênh Thứ 6 (tại vị trí cầu Nam Thái), thuộc xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang – CL2	7,53	29,00	98,50	5,62	9,1	16,4	0,12	0,38	0,036	0,048	2,27	5400	78	Theo WQI CLN đảm bảo tưới tiêu SXNN, trước khi lấy nước cho vào ao tôm cần chú ý xử lý chỉ tiêu TSS và tổng sắt. Độ mặn hiện nay có xu hướng giảm so với đầu tháng, tôm đang trong vụ nên cần chú ý độ mặn.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

3	Điểm lấy mẫu trên kênh Số 1, thuộc xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang- CL3	6,91	16,10	5,74	5,47	13,2	23,4	0,069	0,96	0,006	0,057	2,32	6900	67	Theo WQI CLN khá tốt, đảm bảo phục vụ cho tưới tiêu SXNN. Cần chú ý theo dõi chỉ tiêu amôni và sắt tổng vượt ngưỡng, cần có biện pháp xử lý khi lấy nước vào các ao nuôi tôm.
4	Điểm lấy mẫu trên kênh Ngang (kênh Sáu Sanh), thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang – CL4	7,02	8,40	5,29	2,98	11,4	20,1	0,028	0,87	0,024	0,20	1,20	4700	73	Theo WQI CLN tốt, đảm bảo cho việc lấy nước tưới tiêu SXNN, cần chú ý chỉ tiêu DO và có biện pháp sục khí trước khi lấy nước cho vào các ao tôm. Năm nay độ mặn có xu hướng cao hơn năm 2023.
5	Điểm lấy mẫu trên kênh Làng Thứ 7 (kênh Lộ Se), thuộc xã Vĩnh Bình Nam, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang – CL5	7,15	14,60	30,02	4,19	9,5	18,5	0,049	0,55	0,035	0,050	2,02	4100	80	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN. Chỉ tiêu sắt tổng vượt ngưỡng, nên người dân cần lưu ý trước khi lấy nước cho vào ao nuôi tôm, cá. Độ mặn có xu hướng tăng cao nên cần chú ý theo dõi độ mặn trong vài ngày tới.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

6	Điểm lấy mẫu trên kênh 8000 giao với Lộ Kênh 2, thuộc xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang- CL6	7,70	20,90	11,82	5,34	13,4	21,4	0,078	0,87	0,024	0,16	1,07	8100	62	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN, cần chú ý theo dõi chỉ tiêu sắt tổng trước khi lấy nước cho vào các ao tôm.
7	Điểm lấy mẫu trên kênh KH5, thuộc xã Định Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang – CL7	7,12	1,90	8,70	5,68	10,6	19,4	0,083	0,74	0,034	0,17	1,33	7600	67	Theo WQI CLN đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN. Hiện nay 1 số khu vực đã xuống giống. Độ mặn hiện nay đã giảm hơn so với đầu tháng, diễn biến phức tạp nên mọi người cần chú ý theo dõi để có các biện pháp hợp lý và chuẩn bị cho vụ hè thu.
8	Điểm lấy mẫu tại nơi giao nhau giữa sông Cái Bé với kênh Ô Môn (sông Ba Hò), thuộc xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang – CL8	6,54	0,30	22,64	5,89	12,4	20,3	0,046	0,66	0,046	0,068	2,14	4300	80	Theo WQI CLN ở khu vực này đảm bảo phục vụ tưới tiêu SXNN, bảo tồn động vật thủy sinh. Nhiều chỉ tiêu vượt ngưỡng cần xử lý: BOD5, COD, sắt tổng nên hạn chế tưới cho rau ăn sống. Hiện nay người dân đã bắt đầu xuống giống vụ hè

II	76 – 90	Tốt	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp	
III	51 - 75	Trung bình	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
IV	26 - 50	Kém	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	
V	10 – 25	Ô nhiễm nặng	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	
VI	<10	Ô nhiễm rất nặng	Nước nhiễm độc, cần có biện pháp khắc phục, xử lý	

2. Dự báo chất lượng nước ngày 29/05÷04/06/2024

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, NH₄⁺ từ ngày 29/05/2024 đến 04/06/2024 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 29/05÷04/06/2024 dao động trong khoảng 0,00÷30,16‰, độ mặn năm nay có xu hướng cao hơn so với năm ngoái, các vị trí sản xuất nông nghiệp trên kênh KH5-CL7, kênh Xáng Giồng Riềng – CL10, sông Nước Đục – CL12 độ mặn đã giảm dần. Độ mặn cao nhất là tại vị trí kênh Xẻo Nhàu giao với kênh Chổng Mỹ, đây là khu vực chuyên nuôi tôm quanh năm. Với tình hình diễn biến phức tạp của độ mặn trong thời gian gần đây, công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam đã vận hành Cùm công Cái Lớn, Cái Bé, Xẻo Rô để kiểm soát mặn.

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 29/05÷04/06/2024

Kí hiệu	Độ mặn dự báo (mg/l)								
	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06	Max	Min
CL1	11,31	11,57	11,67	12,54	13,84	14,10	13,07	14,10	11,31
CL2	20,70	23,92	26,29	27,51	27,82	27,40	25,96	27,82	20,70
CL3	11,74	11,13	10,90	11,02	12,31	12,65	12,46	12,65	10,90
CL4	7,87	6,76	5,71	4,89	4,43	4,36	4,63	7,87	4,36
CL5	14,57	14,59	14,39	14,34	14,84	15,14	14,60	15,14	14,34
CL6	15,07	15,97	15,92	15,73	15,53	15,21	14,80	15,97	14,80
CL7	1,52	1,48	1,35	1,11	0,87	0,72	0,78	1,52	0,72
CL8	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
CL9	0,13	0,14	0,14	0,14	0,12	0,11	0,12	0,14	0,11
CL10	0,53	0,50	0,48	0,48	0,13	0,12	0,11	0,53	0,11
CL11	1,95	1,72	1,52	1,43	1,44	1,53	1,66	1,95	1,43
CL12	3,05	3,24	2,78	1,16	0,43	1,81	2,45	3,24	0,43
CL13	9,80	9,88	10,14	10,50	10,86	10,80	10,36	10,86	9,80
CL14	30,75	30,57	30,45	30,37	30,16	30,34	31,07	31,07	30,16
CL15	29,63	29,52	29,37	29,22	29,11	29,09	29,13	29,63	29,09
Ranh mặn	<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

2.1.1.1. Oxy hòa tan (DO)

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 29/05÷04/06/2024

Kí hiệu	DO dự báo (mg/l)								
	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06	Max	Min
CL1	5,02	5,02	4,97	3,90	3,79	3,73	3,70	5,02	3,70
CL2	5,52	5,49	5,44	5,42	5,46	5,62	5,65	5,65	5,42
CL3	5,68	5,66	5,62	5,63	5,60	5,56	5,54	5,68	5,54
CL4	4,81	5,05	5,20	5,24	5,25	5,25	5,22	5,25	4,81

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

CL5	4,53	4,67	4,83	4,94	4,97	4,91	4,78	4,97	4,53
CL6	5,02	5,04	5,10	5,14	5,04	4,78	4,46	5,14	4,46
CL7	5,80	5,81	5,81	5,81	5,81	5,80	5,79	5,81	5,79
CL8	5,94	5,95	5,95	5,95	5,93	5,94	5,94	5,95	5,93
CL9	4,90	5,00	5,18	5,46	5,56	5,05	4,78	5,56	4,78
CL10	5,11	5,10	5,15	5,18	5,20	5,22	5,18	5,22	5,10
CL11	5,86	5,86	5,84	5,78	5,71	5,68	5,69	5,86	5,68
CL12	5,60	5,59	5,58	5,58	5,58	5,53	5,48	5,60	5,48
CL13	5,31	5,32	5,33	5,34	5,28	5,25	5,26	5,34	5,25
CL14	5,78	5,77	5,77	5,77	5,76	5,76	5,76	5,78	5,76
CL15	4,71	4,70	4,66	5,96	5,95	5,96	5,94	5,96	4,66
QCVN 08 (Cột A1)	≥6								
QCVN 08 (Cột B1)	≥4								
Vượt cột B1	<4								

Hàm lượng DO dự báo có xu hướng tốt hơn so với vào tháng 4, dao động từ 3,70÷5,95 mg/l, nhiều vị trí đều đạt QCVN, đảm bảo cho bảo tồn động vật thủy sinh và NTTS, trừ vị trí trên kênh Xẻo Già-CL1 có DO khá thấp nên cần chú ý bổ sung DO bằng các biện pháp sục khí khi lấy nước cho vào các ao tôm.

2.1.1.2. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo dao động từ 7,95÷21,56 mg/l, cho thấy chất lượng nước trong hệ thống đang bị ô nhiễm hữu cơ vượt quá khả năng làm sạch của nguồn nước. Vị trí sông Cái Bé tại bến phà Tắc Cậu-CL11 khá ô nhiễm hữu cơ do khu vực tập trung nhiều khu chế biến thủy hải sản, chợ, tàu thuyền qua lại nên cần hạn chế lấy nước cấp cho sinh hoạt, NTTS và các loại rau ăn sống. Nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống đảm bảo cơ bản cho mục đích bảo tồn động vật thủy sinh và NTTS.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 29/05÷04/06/2024

Kí hiệu	BOD ₅ dự báo (mg/l)								Max	Min
	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06			
CL1	9,18	9,06	8,95	8,89	8,88	8,92	8,95	9,18	8,88	
CL2	9,48	9,54	9,79	9,91	9,89	10,86	10,97	10,97	9,48	
CL3	12,24	11,86	11,49	11,29	11,32	11,48	11,64	12,24	11,29	
CL4	10,56	10,58	10,53	10,43	10,36	10,43	10,57	10,58	10,36	
CL5	8,28	8,05	7,90	7,90	7,95	7,97	7,95	8,28	7,90	
CL6	12,05	12,20	12,37	12,53	12,63	12,62	12,57	12,63	12,05	
CL7	11,72	11,87	11,98	12,11	12,15	12,14	12,15	12,15	11,72	
CL8	11,24	10,83	10,63	10,63	10,64	10,67	10,74	11,24	10,63	
CL9	12,22	12,23	12,02	11,83	11,65	11,37	11,01	12,23	11,01	
CL10	9,89	9,95	10,15	8,05	8,05	7,95	7,98	10,15	7,95	
CL11	13,37	17,40	20,57	21,51	21,56	21,00	19,97	21,56	13,37	
CL12	9,02	8,91	8,85	8,78	8,74	8,73	8,82	9,02	8,73	
CL13	11,81	11,50	11,30	11,19	11,28	11,70	12,17	12,17	11,19	

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

CL14	13,39	13,53	13,38	13,26	12,61	11,90	11,73	13,53	11,73
CL15	13,73	13,91	14,03	13,92	13,35	12,88	12,66	14,03	12,66
QCVN 08 (Cột A1)	4								
QCVN 08 (Cột B1)	15								
Vượt cột B1	>15								

2.1.1.3. Amoni (NH₄⁺)

Giá trị NH₄⁺_N dự báo dao động từ 0,18÷1,74 mg/l, nhiều vị trí vượt cột B1 (vị trí CL3, CL4, CL8, CL9, CL10, CL11, CL15), các vị trí còn lại dao động trong khoảng giữa cột A1 và B1, cho thấy chất lượng nước đợt này có xu hướng bị ô nhiễm dinh dưỡng ở mức trung bình nên cần chú ý theo dõi để có biện pháp xử lý trước khi lấy nước vào các ao tôm.

Bảng 5: Giá trị dự báo NH₄⁺ tại các điểm giám sát từ 29/05 ÷ 04/06/2024

Kí hiệu	Amôni dự báo (mg/l)								
	29/05	30/05	31/05	01/06	02/06	03/06	04/06	Max	Min
CL1	0,25	0,24	0,20	0,18	0,22	0,21	0,21	0,25	0,18
CL2	0,39	0,39	0,37	0,98	1,01	1,03	1,03	1,03	0,37
CL3	1,06	1,06	1,06	1,05	1,02	1,29	0,82	1,29	0,82
CL4	0,63	0,65	0,68	0,69	0,69	0,70	0,70	0,70	0,63
CL5	0,59	0,60	0,61	0,62	0,63	0,86	0,84	0,86	0,59
CL6	0,94	0,95	0,95	0,92	0,91	0,91	0,89	0,95	0,89
CL7	0,83	0,83	0,84	0,84	0,83	0,84	0,85	0,85	0,83
CL8	0,89	0,90	0,90	0,91	0,92	0,94	0,94	0,94	0,89
CL9	0,84	0,85	0,86	0,87	0,88	0,89	0,90	0,90	0,84
CL10	1,61	1,48	1,42	1,44	1,54	1,66	1,74	1,74	1,42
CL11	0,90	0,92	1,02	1,12	1,13	1,11	1,21	1,21	0,90
CL12	0,20	0,21	0,21	0,20	0,20	0,20	0,19	0,21	0,19
CL13	0,63	0,67	0,66	0,63	0,58	0,46	0,38	0,67	0,38
CL14	0,58	0,57	0,56	0,54	0,52	0,50	0,49	0,58	0,49
CL15	0,86	0,87	0,88	0,89	0,91	0,93	0,94	0,94	0,86
QCVN 08 (Cột A1)	0,3								
QCVN 08 (Cột B1)	0,9								
Vượt cột B1	>0,9								

Kết luận chung:

- Độ mặn cuối tháng 5 có xu hướng giảm hơn tháng 4, hiện nay trong vùng đã có mưa, kết hợp với đóng cống CLCB để kiểm soát độ mặn. Vị trí CL7, CL10 và CL12 - sông nước Đục - Hậu Giang độ mặn đã giảm. Trong thời gian tới độ mặn dự báo có xu hướng giảm do mưa nội đồng kết hợp với

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cái Lớn – Cái Bé, phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp.

lượng nước từ sông Hậu, người dân cần chú ý theo dõi độ mặn để có chế độ lấy nước cho phù hợp cho nuôi tôm.

- Kết quả dự báo DO tương đối tốt đảm bảo cho NTTS, dự báo amôni và BOD₅ phản ánh được xu thế ô nhiễm dinh dưỡng và hữu cơ trong hệ thống thủy lợi Cái Lớn-Cái Bé, đặc biệt là vị trí trên sông Cái Bé tại bến phà Tắc Cậu ô nhiễm khá cao vượt quy chuẩn. Hiện nay trong khu vực dự án, đã có mưa xuất hiện ở nhiều nơi, nước mưa cuốn trôi các chất ô nhiễm xuống sông kênh và do các kênh này tập trung đông người dân sống dọc kênh, chăn nuôi và xả nước thải trực tiếp xuống kênh và ảnh hưởng 1 phần từ các nhà máy chế biến thủy hải sản trong khu vực, nên cần chú ý theo dõi để có biện pháp xử lý kịp thời. Nhìn chung chất lượng nước trong hệ thống cơ bản vẫn đáp ứng cho mục đích NTTS và SXNN.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (đề b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (đề b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL các tỉnh Kiên Giang và Hậu Giang, Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi miền Nam;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (đề b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (đề b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB

